

Bản án số: 42/2020/HS-ST
Ngày 18 - 12 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Chương

2. Bà Trần Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/TLST- HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lù Văn T; Giới tính: Nam, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 5 năm 1997 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Lù Văn X, sinh năm 1974; Con bà Thên Thị T, sinh năm 1980, hiện đều trú tại Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vợ con: Chưa có.

Tiền án: không

Tiền sự: không

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/8/2020, tạm giam ngày 29/8/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Sìn Chân P; Giới tính : Nam, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn c, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Xin Văn Q, sinh năm 1965; Con bà: Pảo Thị M, sinh năm 1971, hiện đều trú tại Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vợ:

Lèng Thị T, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai, bị cáo có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Về nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/8/2020, tạm giam ngày 29/8/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Hồ Tiến T, Giới tính: Nam (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 4 năm 2002, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hồ Xuân C, sinh năm 1977; Con bà: Thên Thị M, sinh năm 1981, hiện đều trú tại Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vợ con: Chưa có

Tiền án: Không

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự. Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 06/4/2020 của Công an xã C, huyện B, xử phạt Hồ Tiến T 750.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 10/4/2020 Hồ Tiến T đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tính đến thời điểm phạm tội lần này, Hồ Tiến T chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/8/2020, tạm giam ngày 29/8/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn T và Hồ Tiến T: Bà Trần Thị Chinh - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Sin Chân P: Bà Đỗ Thị Thu Ba - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại: Anh Sèn Văn T, sinh năm: 1985 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Cùng cư trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Sèn Văn T chị Nguyễn Thị T. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Đinh Quang B, anh Hà Văn B, anh Sần Mạnh H, anh Hoàng Văn T, anh Nguyễn Hoàng H, anh Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên đêm ngày 14/8/2020, Sin Chân P, Lù Văn T, Hồ Tiến T rủ nhau đi hát karaoke ở quán Karaoke Hoàng H ở thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai, cả ba hát karaoke từ khoảng hơn 23 giờ ngày 14/8/2020 đến khoảng 04 giờ ngày 15/8/2020 hết 3.300.000 đồng. Do không có tiền trả tiền hát nên Hồ Tiến T thỏa thuận với chủ quán là anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm

1988, trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai cho Hồ Tiến T để lại xe máy Yamaha Sirius biển kiểm soát 24B1-614.85 làm tin, hẹn sẽ quay lại trả tiền sau và nhờ anh Nguyễn Hoàng H gọi hộ xe taxi. Trong lúc chờ xe taxi, Lù Văn T hỏi Sin Chân P bằng tiếng dân tộc với nội dung là tìm chỗ nào trộm cắp tài sản để lấy tiền chuộc xe máy, thì Sin Chân P nói có nhà người quen là vợ chồng anh Sèn Văn T vợ là chị Nguyễn Thị T ở Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai có két sắt chắc là có tiền. Khi taxi đến quán karaoke, cả ba lên xe taxi biển kiểm soát 24A-093.12 do anh Đinh Quang B, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai điều khiển và bảo Đinh Quang B chở đến Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi còn cách ngõ rẽ vào nhà anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T khoảng 100m thì Sin Chân P bảo Đinh Quang B dừng lại ở trên đường Quốc lộ 70. Sin Chân P, Lù Văn T, Hồ Tiến T ngồi trên xe khoảng 05 phút thì thấy anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T ra khỏi nhà đi bán hàng. Sin Chân P và Lù Văn T xuống xe, đi bộ vào nhà quan sát thấy các cửa chỉ khép hờ không khóa. Do thường đến nhà anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T chơi nên Sin Chân P biết vị trí để két sắt của gia đình, Sin Chân P mở cửa nhà đi vào buồng đến vị trí để két sắt. Sin Chân P và Lù Văn T xoay két sắt dịch ra xa tường nhà rồi lật két sắt nằm xuống đất. Tiếp đó, Sin Chân P và Lù Văn T cùng khiêng két sắt ra đặt ở cổng. Do két sắt nặng Lù Văn T bảo Sin Chân P ra bảo Đinh Quang B lùi xe vào gần két. Lúc này, Hồ Tiến T cũng xuống xe cùng Sin Chân P, Lù Văn T bê két sắt để vào trong cốp xe taxi, còn Đinh Quang B vẫn ngồi trên xe taxi. Khi cả ba lên xe thì Đinh Quang B hỏi "két của ai?" Sin Chân P trả lời két của nhà P. Do tin tưởng lời nói của Sin Chân P nên Đinh Quang B điều khiển xe ô tô chở Sin Chân P, Lù Văn T và Hồ Tiến T cùng chiếc két sắt quay về hướng thị trấn B. Trên đường đi, Lù Văn T hỏi Sin Chân P bằng tiếng dân tộc "xem có chỗ nào vắng vắng không đập két ra", Sin Chân P nói "két này không đập được", Lù Văn T nói "đi vào xem có nhà ai không mượn đồ đập". Khi đến địa phận xã N, huyện B Hồ Tiến T xuống xe đi vào một nhà dân ở ven đường hỏi mượn búa, xà beng nhưng không mượn được. Khi Hồ Tiến T lên xe có nói bằng tiếng phổ thông với Lù Văn T và Sin Chân P về việc không mượn được xà beng, Đinh Quang B nghe thấy nên gọi điện thoại cho bạn là Hoàng Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai để hỏi mượn xà beng hộ. Sau khi mượn được xà beng, Đinh Quang B tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Sin Chân P, Lù Văn T, Hồ Tiến T đi tiếp, khi xe đi đến km 11 đường tỉnh lộ 153 thuộc địa phận thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai thì Sin Chân P bảo Đinh Quang B dừng xe lại ven đường và mở cốp xe. Sau đó, Sin Chân P, Lù Văn T, Hồ Tiến T xuống xe, khiêng két sắt xuống khu vực đất trống bên trái đường theo hướng đi, còn Đinh Quang B vẫn sử dụng điện thoại. Tại đây Lù Văn T và Hồ Tiến T thay nhau cầm xà beng cạy phá két sắt. Khi mở được cánh cửa két Hồ Tiến T lấy 300.000 đồng tiền lẻ trong két cầm trên tay. Sin Chân P cầm 01 ví giả da màu tím và 01 điện thoại OPPO A31 rồi mở ví lấy số tiền 5.400.000 đồng cùng một số giấy tờ trong ví sau đó vứt ví lại. Lù Văn T cầm túi hồ sơ trong két mang theo, trong túi hồ sơ có 5.000.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, cả ba lên taxi và bảo Đinh Quang B trả xà beng rồi chở Sin Chân P, Lù Văn T, Hồ Tiến T lên

thị trấn B. Đến thị trấn B, Sin Chân P trả cho Đinh Quang B 900.000 đồng tiền thuê xe taxi, sau khi nhận tiền công chở taxi Đinh Quang B đi về nhà còn các bị cáo đi lên thành phố L, sau đó đi xe khách lên huyện X, tỉnh Hà Giang chơi. Sau khi về nhà Đinh Quang B nghi ngờ hành vi của các bị cáo nên đã đến Công an trình báo sự việc, ngày 20/8/2020 Lù Văn T, Sin Chân P, Hồ Tiến T bị Công an huyện Bảo Thắng triệu tập đến làm việc, các bị cáo đã giao nộp các tài sản còn lại của vụ án, gồm số tiền 210.000 đồng, 01 điện thoại OPPO A31 và một số giấy tờ cá nhân của gia đình chị T.

Tại kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 24/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bảo Thắng kết luận: 01 điện thoại OPPO A31 có giá trị 4.490.000 đồng (bốn triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng), 01 kết sắt Việt Tiệp có giá trị 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tổng giá trị là 6.490.000 đồng (sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 03/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong đó:

Về hình phạt chính:

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lù Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sin Chân P từ 09 đến 12 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Tiến T từ 09 đến 12 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T số tiền 6.590.000 đồng (sáu triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng). Xác nhận bị cáo Sin Chân P đã tự nguyện bồi thường cho vợ chồng anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T 2.590.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng). Số tiền còn thiếu là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Buộc bị cáo Lù Văn T phải bồi thường cho anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Bị cáo Hồ Tiến T phải bồi thường cho anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cánh cửa kết bằng kim loại màu ánh kim, kích thước 51cm x 49cm x 8cm, mặt ngoài góc bên trái có in logo màu đỏ vàng và chữ "Việt Tiệp", phần bản lề của cánh cửa bị cong, vênh, nứt vỡ biến dạng, tay nắm và băng mã còn nguyên vẹn, trên bộ phận băng mã có khe lắp pin kích thước 5,04cm x 6cm, trên khe lắp pin có 04 rãnh để lắp pin, mặt trong của kết có nhiều bộ phận linh kiện, dây điện; 01 hộp kim loại có kích thước 51cm x 49cm x 22cm, một mặt kín một mặt hở, trên bề mặt bên ngoài và bên trong bị biến dạng nhiều chỗ, sơn màu nâu đen, hộp kim loại chia làm 2 ngăn; 01 tấm kim loại sơn màu nâu đen, kích thước 51,5cm x 37cm x 17cm bị móp méo nhiều chỗ; 01 mảnh kim loại bị cắt nham nhỡ không định hình, mặt ngoài sơn màu nâu đen; 01 mảnh kim loại bị cong vênh chày xước dính nhiều đất màu nâu, có chữ "Việt Tiệp" và nhiều chữ nước ngoài, kích thước 9,6cm x 2,5cm có màu đen chủ đạo, màu trắng ánh kim và màu vàng; 01 pin con thỏ (loại pin nhỏ) nhiều chữ và hoa văn màu đỏ; 04 mảnh kim loại không định hình màu xám; 01 tệp giấy bị nát, dính chặt có in nhiều chữ Việt Nam không còn giá trị sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn T và Hồ Tiến T trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lù Văn T từ 09 đến 12 tháng tù; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Tiến T 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Sin Chân P trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sin Chân P từ 07 đến 09 tháng tù.

Bị hại và là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Sèn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T đã khai nhận khoảng hơn 5 giờ ngày 15/8/2020 các bị cáo đến nhà anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T trộm cắp một kết sắt mang lên thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai cây phá kết lấy được tổng số tiền là 10.700.000 đồng và 01 điện thoại di động oppo A31. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 03/11/2020 của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo cũng hiểu rất rõ tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, tài sản đó được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác đều phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Hiểu rất rõ điều đó, song do các bị cáo ham chơi lười lại lao động lại muốn có tiền để tiêu xài nên các bị cáo đã phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó đối với các bị cáo cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo để có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Lù Văn T là người chủ mưu, khởi xướng và cùng Phương vào nhà anh chị Sèn Văn T, Nguyễn Thị T khiêng két ra xe, bị cáo đã cùng Hồ Tiến T đập phá két và tích cực thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo Lù Văn T giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Sin Chân P khi thấy bị cáo Lù Văn T nói tìm chỗ nào trộm cắp tài sản để lấy tiền chuộc xe máy bị cáo đã không can ngăn mà đồng tình ngay và nói nhà anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T là người quen của bị cáo ở xã P, huyện B có két sắt chắc có tiền, nên các bị cáo đã về xã P để trộm cắp và Sin Chân P trực tiếp vào nhà anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T khiêng két ra xe cùng cạy phá két nên bị cáo giữ vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án.

Đối với bị cáo Hồ Tiến T khi được rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đồng tình hưởng ứng ngay và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, cùng khiêng két, đi mượn xà beng về đập phá két nên bị cáo cũng là người thực hành tích cực trong vụ án sau bị cáo Sin Chân P.

[2]. Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Lù Văn T và Sin Chân P đều là đối tượng có nhân thân tốt.

Bị cáo Hồ Tiến T là đối tượng đã có 01 tiền sự, tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC ngày 06/4/2020 của Công an xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt Hồ Tiến T 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 10/4/2020 Hồ Tiến T đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa tiền sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật phần nào còn có hạn chế nhất định. Ngoài ra bị cáo Sin Chân P còn tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, do đó cũng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo, ngoài ra cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Sin Chân P để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[4]. Về các vấn đề liên quan trong vụ án:

Liên quan trong vụ án còn có anh Đinh Quang B là lái xe taxi biển kiểm soát 24A-093.12 chở các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P, Hồ Tiến T đi trộm cắp tài sản, nhưng khi chở các bị cáo từ thị trấn B, huyện B về Thôn C, xã P, huyện B và ngược lại thì anh Đinh Quang B không biết việc các bị cáo đi đâu, làm gì. Khi anh Đinh Quang B mượn xà beng cho các bị cáo anh cũng không biết mục đích các bị cáo dùng xà beng làm gì. Sau khi các bị cáo trộm cắp được tài sản, thì anh Đinh Quang B không được chia tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó, do nghi ngờ hành vi của các bị cáo, anh Đinh Quang B đã đến Cơ quan điều tra trình báo toàn bộ nội dung sự việc. Do đó, hành vi của Đinh Quang B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Hoàng Văn T là người cho mượn xà beng; Hà Văn B và Sần Mạnh H là người nhặt vỏ kết sắt mang đi bán; Nguyễn Văn P là người mua vỏ kết sắt nhưng những người này đều không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý trách nhiệm là có căn cứ đúng pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T là bị hại đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh Sèn Văn T trình bày gia đình chị bị các bị cáo vào trộm cắp một kết sắt Việt Tiệp bên trong kết có số tiền là 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm ngàn đồng), 01 điện thoại OPPO A31 trị giá 4.490.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng) và sổ tiết kiệm cùng một số giấy tờ cá nhân và chiếc kết sắt bị các bị cáo cạy phá làm hư hỏng có giá trị 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tổng giá trị tài sản gia đình chị bị thiệt hại là 17.190.000 đồng (mười bảy triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng). Cơ quan điều tra đã thu giữ được toàn bộ sổ tiết kiệm, các giấy tờ cá nhân và thu giữ được số tiền 6.110.000 đồng (sáu triệu một trăm mười ngàn đồng) trả cho gia đình chị, số tài sản còn thiếu có trị giá là 6.590.000 đồng (sáu triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng), chị yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường

cho gia đình chị. Đến nay gia đình bị cáo Sin Chân P đã tự nguyện bồi thường cho gia đình chị 2.590.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng), còn thiếu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) chị yêu cầu bị cáo Lù Văn T và Hồ Tiến T phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình chị. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận buộc bị cáo Lù Văn T và Hồ Tiến T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- Đối với số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) tiền công chở taxi mà các bị cáo lấy từ tiền trộm cắp được của gia đình anh Tuấn, chị Toán trả cho anh Bộ, khi biết đó là tài sản do trộm cắp mà có anh Đinh Quang B đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra, đồng thời anh Đinh Quang B cho các bị cáo số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) công chở taxi, anh không yêu cầu các bị cáo phải trả cho anh số tiền này. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ

- 01 cánh cửa két bằng kim loại màu ánh kim, kích thước 51cm x 49cm x 8cm, mặt ngoài góc bên trái có in logo màu đỏ vàng và chữ "Việt Tiệp", phần bản lề của cánh cửa bị cong, vênh, nứt vỡ biến dạng, tay nắm và bảng mã còn nguyên vẹn, trên bộ phận bảng mã có khe lắp pin kích thước 5,04cm x 6cm, trên khe lắp pin có 04 rãnh để lắp pin, mặt trong của két có nhiều bộ phận linh kiện, dây điện; 01 hộp kim loại có kích thước 51cm x 49cm x 22cm, một mặt kín một mặt hở, trên bề mặt bên ngoài và bên trong bị biến dạng nhiều chỗ, sơn màu nâu đen, hộp kim loại chia làm 2 ngăn; 01 tấm kim loại sơn màu nâu đen, kích thước 51,5cm x 37cm x 17cm bị móp méo nhiều chỗ; 01 mảnh kim loại bị cắt nhám nhờ không định hình, mặt ngoài sơn màu nâu đen; 01 mảnh kim loại bị cong vênh chày xước dính nhiều đất màu nâu, có chữ "Việt Tiệp" và nhiều chữ nước ngoài, kích thước 9,6cm x 2,5cm có màu đen chủ đạo, màu trắng ánh kim và màu vàng; 01 pin con thỏ (loại pin nhỏ) nhiều chữ và hoa văn màu đỏ; 04 mảnh kim loại không định hình màu xám; 01 tệp giấy bị nát, dính chặt có in nhiều chữ Việt Nam là tài sản của gia đình chị Nguyễn Thị T. Do tài sản bị các bị cáo cậy phá không còn giá trị sử dụng nên gia đình chị Nguyễn Thị T không nhận lại, nên cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

- Thu giữ 01 điện thoại OPPO A31, số tiền 210.000 đồng (hai trăm mười ngàn đồng) do bị cáo Sin Chân P giao nộp; số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nằm trong túi hồ sơ do bị cáo Lù Văn T giao nộp và số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) tiền các bị cáo trộm cắp được trả tiền thuê xe taxi cho anh Đinh Quang B, 01 ví giả da màu tím, bên ngoài có chữ "Banlean"; 03 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Sèn Quốc Đ, Nguyễn Thị T, Sèn Thị Kiều A; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T; 01 thẻ ATM Agribank mang tên Nguyễn Thị T; 03 giấy khai sinh mang tên Sèn Văn T, Sèn Quốc Đ, Sèn Thị Kiều A; 01 sổ hộ khẩu gia đình; 01 giấy chứng nhận kết hôn giữa Sèn Văn T và Nguyễn Thị T; 01 chứng chỉ đào tạo nghề mang tên Sèn Văn T; 01 bộ hồ sơ lái xe mô tô mang tên Sèn Văn T; 01 bộ hợp đồng bảo hiểm Bảo an gia đình Việt mang tên Sèn Văn T;

01 sổ tiết kiệm số 7242081 của ngân hàng Lien Viet Post Bank; 01 sổ tiết kiệm số 7242080 của ngân hàng Lien Viet Post Bank; 01 sổ tiết kiệm số 5652365 của ngân hàng Lien Viet Post Bank và 01 sổ tiết kiệm của ngân hàng Agribank tất cả đều mang tên Nguyễn Thị T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của gia đình chị Nguyễn Thị T nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Thu giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Sin Chân P, 01 ví giả da nam màu đen. Đây là tài sản của Sin Chân P, xét thấy không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Sin Chân P, mẹ bị cáo là bà Pảo Thị M nhận thay bị cáo.

- Thu giữ 01 điện thoại Oppo F1S màu vàng, vỏ máy có nhiều vết xước, máy cũ đã qua sử dụng; 01 giấy biên nhận thể chấp số LCI20170492/HĐTC/06; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 190301238 mang tên Thành Thị Mơ; 01 xe ô tô MISUBISHI ATTRAGE số khung A13AHH007143, số máy 3A92-UGC5100, BKS 24A-093.12; 01 giấy kiểm định số KD 1774313. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của gia đình anh Đình Quang B, Do đó cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho gia đình anh Đình Quang B.

- Thu giữ 01 xà beng bằng sắt, hình lục giác, dài 1,38m, một đầu dẹp, một đầu nhọn, đường kính 2,8cm là tài sản của anh Hoàng Văn T, khi cho mượn anh Thành không biết các bị cáo dùng để cạy phá kết, do đó cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Sau khi nhận lại tài sản gia đình bị hại Nguyễn Thị T, bị cáo Sin Chân P, anh Đình Quang B, anh Hoàng Văn T không yêu cầu đề nghị gì đối với số tài sản đã nhận lại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và bị hại:

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính đối với các bị cáo và về vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét để có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét thấy đề nghị của người bào chữa đối với bị cáo Lù Văn T và Sin Chân P về hình phạt chính là phù hợp với quy định của pháp luật, riêng mức đề nghị với bị cáo Hồ Tiến T về hình phạt chính còn nhẹ chưa đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không thể chấp nhận.

Các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị hại và là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Sèn Văn T xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[10]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lù Văn T 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sin Chân P 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Tiến T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lù Văn T, Sin Chân P và Hồ Tiến T phải liên đới bồi thường cho vợ chồng anh Sèn Văn T, chị Nguyễn Thị T 6.590.000 đồng (sáu triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng).

Xác nhận bị cáo Sin Chân P đã bồi thường cho anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T 2.590.000 đồng (hai triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng)

Bị cáo Lù Văn T phải bồi thường cho anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Bị cáo Hồ Tiến T phải bồi thường cho anh Sèn Văn T và chị Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cánh cửa kết bằng kim loại màu ánh kim, kích thước 51cm x 49cm x 8cm, mặt ngoài góc

bên trái có in logo màu đỏ vàng và chữ "Việt Tiệp", phần bản lề của cánh cửa bị cong, vênh, nứt vỡ biến dạng, tay nắm và bảng mã còn nguyên vẹn, trên bộ phận bảng mã có khe lắp pin kích thước 5,04cm x 6cm, trên khe lắp pin có 04 rãnh để lắp pin, mặt trong của két có nhiều bộ phận linh kiện, dây điện; 01 hộp kim loại có kích thước 51cm x 49cm x 22cm, một mặt kín một mặt hở, trên bề mặt bên ngoài và bên trong bị biến dạng nhiều chỗ, sơn màu nâu đen, hộp kim loại chia làm 2 ngăn; 01 tấm kim loại sơn màu nâu đen, kích thước 51,5cm x 37cm x 17cm bị móp méo nhiều chỗ; 01 mảnh kim loại bị cắt nham nhở không định hình, mặt ngoài sơn màu nâu đen; 01 mảnh kim loại bị cong vênh chầy xước dính nhiều đất màu nâu, có chữ "Việt Tiệp" và nhiều chữ nước ngoài, kích thước 9,6cm x 2,5cm có màu đen chủ đạo, màu trắng ánh kim và màu vàng; 01 pin con thỏ (loại pin nhỏ) nhiều chữ và hoa văn màu đỏ; 04 mảnh kim loại không định hình màu xám; 01 tệp giấy bị nát, dính chặt có in nhiều chữ Việt Nam.

Toàn bộ vật chứng tuyên tịch thu tiêu hủy đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2020

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lù Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Sin Chân P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Hồ Tiến T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- VKSND Bảo Thắng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan THA HS CA tỉnh LC;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo (03);
- Người bào chữa cho bị cáo (02);
- Bị hại (02);
- Thi hành án hình sự (03);
- Chi cục Thi hành án dân sự BT;
- Lưu HS,TA,VP.

Phạm Thị Thu Hằng